

Số: 05/2018/QĐST-HNGĐ TP. Hưng Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào Điều 144, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 141/2018/TLST-VDS, ngày 14/9/2018 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh: Lê Văn H - Sinh năm 1975.

HKTT: Xóm 6, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

+ Chị Lương Thị H - Sinh năm 1977.

HKTT: Số 191, đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Lê Thị Lan A, sinh ngày 13/11/2000.

+ Cháu Lê Đức T, sinh ngày 20/8/2008.

Cùng đăng ký HKTT: Xóm 6, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Lê Thị Lan A và cháu Lê Đức T là anh Lê Văn H và chị Lương Thị H (bố, mẹ đẻ hai cháu).

+ Bà Hoàng Thị Y - Sinh năm 1949.

HKTT: Số 191, đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H kết hôn trên cơ

sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/02/2000 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ 01/7/2016 cho đến nay. Theo anh Lê Văn H, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ kinh tế do chị H vay mượn tiền của người khác không có sự bàn bạc thống nhất trong gia đình và cũng không rõ chị H vay để làm gì nên vợ chồng không tin tưởng nhau. Còn chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ tình cảm của anh H dành cho chị. Anh H ít quan tâm đến vợ, ít quan hệ tình cảm với vợ do anh H đã có tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã khuyên nhủ anh H nên chấm dứt quan hệ với người phụ nữ khác để vợ chồng chung sống với nhau nuôi dạy con chung, nhưng anh H nói với chị là không còn tình cảm với chị nên vợ chồng không thể đoàn tụ được. Ngoài ra, về mặt kinh tế, vợ chồng cũng không thống nhất được với nhau, tiền của ai người đó quản lý, có tháng anh H đưa cho chị được 500 ngàn đồng, có vài ba tháng anh H mới đưa cho chị được 1 đến 2 triệu đồng. Do anh H đi làm xa nên hàng ngày anh H không ăn chung cùng với mẹ con chị, một tháng anh H chỉ về nhà đôi ba lần.

Do mâu thuẫn kéo dài mà không thể giải quyết dứt điểm, đến nay cả hai vợ chồng anh H, chị H xác định không còn tình cảm nên cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh Lê Văn H và chị Lương Thị H.

Xét việc thuận tình ly hôn của anh Lê Văn H và chị Lương Thị H được ghi trong Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 02/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận anh Lê Văn H và chị Lương Thị H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H có hai con chung là Lê Thị Lan A, sinh ngày 23/11/2000; cháu Lê Đức T, sinh ngày 20/8/2008. Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H thỏa thuận giao cháu Lê Thị Lan A cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Anh tròn 18 tuổi; Giao cháu Lê Đức T cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thắng tròn 18 tuổi. Sự thỏa thuận của anh Lê Văn H và chị Lương Thị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H thống nhất thỏa thuận không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh H, chị H có 01 nhà mái bằng diện tích 80 m² tọa lạc ở Tân sơn, Kim Bảng, Hà Nam. Đất vẫn đứng tên bố chồng là Lê Văn Vàng, trên đất có nhà, ngôi nhà này được vợ chồng anh H, chị H xây dựng năm 2013. Các đương sự thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, tài sản vợ chồng không chia mà tiếp tục giao cho anh H sử dụng, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H còn nợ bà Hoàng Thị Y là mẹ đẻ chị H số tiền 100.000.000đ. Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận đề nghị Tòa án ghi nhận việc anh H trả cho bà Hoàng Thị Y 50.000.000đ, chị H trả cho bà Hoàng Thị Y 50.000.000đ. Yêu cầu

này của các đương sự là phù hợp nên cần được ghi nhận.

Về lệ phí: Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H thống nhất thỏa thuận: Anh Lê Văn H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh Lê Văn H và chị Lương Thị H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Lương Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H thống nhất thuận tình ly hôn.

* **Về quan hệ con chung:** Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Lê Thị Lan A, sinh ngày 23/11/2000 cho anh Lê Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Anh cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Giao cháu Lê Đức T, sinh ngày 20/8/2008 cho chị Lương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Thắng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

* **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

* **Về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con sau khi ly hôn:** Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, anh Lê Văn H và chị Lương Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh H, chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* **Về tài sản chung, công sức:** Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

* **Về nợ chung:** Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H còn nợ bà Hoàng Thị Y là mẹ đẻ chị H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn). Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Anh Lê Văn H trả cho bà Hoàng Thị Y 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn), chị Lương Thị H trả cho bà Hoàng Thị Y 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bà Hoàng Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền nợ chung của anh H, chị H, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh Lê Văn H và chị Lương Thị H không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

* **Về lệ phí:** Anh Lê Văn H và chị Lương Thị H thống nhất thỏa thuận: Anh Lê Văn H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Dân sự sơ thẩm anh H đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000175 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Anh H còn phải nộp thêm 150.000 đồng tiền lệ phí.

Hoàn trả chị Lương Thị H số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000176 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP H;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã T, K, Hà Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)
Vũ Công Lợi